TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Án số: 36 /2019/HNGĐ- ST
Ngày: 15/10/2019.
V/v: *Tranh chấp hôn nhân gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tin
Ông Nguyễn Hải Lý
Thư ký phiên toà: Phạm Thị Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 156/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về " *Tranh chấp HN&GĐ*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Âu Thị Ng, sinh năm 1992 (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
Cư trú tại: thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1990 (triệu tập lần 2 vẫn vắng mặt không có lý do)
Cư trú tại: thôn N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 11 tháng 6 năm 2019 được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là chị Âu Thị Ng trình bày: Chị và anh T kết hôn ngày 21 tháng 11 năm 2012, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y. Vợ chồng chung sống hòa thuận từ khi kết hôn đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T dùng ma túy đá, cờ bạc, không có việc làm ổn định. Nhiều lần chị khuyên bảo và cho anh T cơ hội sửa chữa nhưng anh T không thay đổi vẫn tiếp tục sử dụng ma túy đá và chơi cờ bạc. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Tháng 11 năm 2017, chị tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chấm

dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó đến nay. Sự việc vợ chồng như vậy hai gia đình không dàn xếp.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Nhã U, sinh 02/7/2013, hiện đang ở với anh T; Trần Nhất Ph, sinh 16/11/2015, hiện đang ở với chị.

Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi con chung tên Trần Nhã U, để anh T nuôi con chung tên Trần Nhất Ph, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp chị Ng xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn T là bị đơn trình bày: Về thủ tục kết hôn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn anh đồng ý lời trình bày của chị Ng. Anh trình bày thêm, đến nay anh đã sửa chữa, không sử dụng ma túy, không chơi cờ bạc và anh đã có công việc ổn định nhưng chị Ng không tin tưởng và tha thứ cho anh. Thời gian chị Ng về nhà bố mẹ đẻ ở, nhiều lần chị xin lỗi và khuyên quay về vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị Ng không nghe. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 11 năm 2017 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Ng xin ly hôn, anh đồng ý.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Nhã U, sinh 02/7/2013, hiện đang ở với anh; Trần Nhất Ph, sinh 16/11/2015, hiện đang ở với chị Ng.

Nay ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh nuôi 02 con chung, anh không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp anh T xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 xử:

- Quan hệ vợ chồng: Chị Âu Thị Ng được ly hôn anh Trần Văn T

- Con chung: Giao cháu Trần Nhã U cho anh T chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Trần Nhất Ph cho chị Ng chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

- Án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng*: Chị Âu Thị Ng là nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa, chị Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Trần Văn T là bị đơn, Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan . Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Ng và anh T kết hôn ngày 21 tháng 11 năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Y là phù hợp với các Điều 8,9 luật hôn nhân và gia đình. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2014 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T sử dụng ma túy đá và chơi cờ bạc, không có công việc ổn định. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Sự việc vợ chồng như vậy chị Ng khuyên bảo anh T sửa chữa, nhưng chị Ng không tin tưởng để tha thứ. Tháng 11 năm 2017 chị Ng bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó đến nay.

Kết quả xác minh tại gia đình địa phương cung cấp nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh T là đối tượng nghiện ma túy, không có công việc ổn định

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị Ng và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Quan hệ con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Nhã U, sinh 02/7/2013, hiện đang ở với anh T; Trần Nhất Ph, sinh 16/11/2015, hiện đang ở với chị Ng. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Ng và anh T, Hội đồng xét xử thấy anh T là đối tượng nghiện ma túy, mới đi làm và có thu nhập, nay anh T đề nghị được nuôi 02 con chung là không đảm bảo cuộc sống cho các con chung. Hiện con chung tên Trần Nhã U đang do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, con chung tên Trần Nhất Ph đang do chị Ng chăm sóc nuôi dưỡng các con chung được nuôi dưỡng đầy đủ, để ổn định cuộc sống của các con chung cần chấp nhận 1 phần yêu cầu của chị Ng, giao cho chị Ng nuôi con chung Trần Nhất Ph, giao cho anh T nuôi con chung Trần Nhã U. Chị Ng, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, số nợ, ruộng canh tác chị Ng và anh T xác định không có, nay không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, chị Ng phải chịu 300.000đ án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Âu Thị Ng được ly hôn anh Trần Văn T

*Về con chung***:** Giao cho chị Âu Thị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Nhất Ph sinh 16/11/2015; Anh Trần Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Nhã U, sinh 02/7/2013; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Ng và anh T có quyền thăm nom con chung

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Ng phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2016/0002870 ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Chị Ng đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y(2b);
- Chi cục THADS huyện Y;
- Đương sự;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp xã Đ.

Bùi Thị Hương